

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Phát triển nông thôn và QLCL	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Chi cục Chăn nuôi Thú y	Trung tâm Khuyến nông	Trung tâm thông tin, dữ liệu và phát triển quỹ đất
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí									
I	Số thu phí, lệ phí									
1	Lệ phí									
2	Phí									
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại									
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước									
1	Lệ phí									
2	Phí									
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	13.759.580.133	13.759.580.133	3.743.156.430	5.158.745.982	1.573.280.280	1.346.697.495	375.921.000	779.658.282	782.120.664
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.759.580.133	13.759.580.133	3.743.156.430	5.158.745.982	1.573.280.280	1.346.697.495	375.921.000	779.658.282	782.120.664
1	Chi quản lý hành chính (L340-341-23)	12.197.801.187	12.197.801.187	3.743.156.430	5.158.745.982	1.573.280.280	1.346.697.495	375.921.000	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ									
1.2	KP nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	12.197.801.187	12.197.801.187	3.743.156.430	5.158.745.982	1.573.280.280	1.346.697.495	375.921.000	-	-
2	Sự nghiệp nông lâm nghiệp thủy lợi, thủy sản	779.658.282	779.658.282	-	-	-	-	-	779.658.282	-
2.1	Sự nghiệp thủy sản (L280-284)									
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
2.2	Sự nghiệp nông nghiệp (L280-281-23)	779.658.282	779.658.282	-	-	-	-	-	779.658.282	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	779.658.282	779.658.282	-	-	-	-	-	779.658.282	-
2.3	Sự nghiệp lâm nghiệp (L280-282)									
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
2.4	Sự nghiệp thủy lợi (L280-283)									
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									
3	Sự nghiệp kinh tế khác (280-332-23)	782.120.664	782.120.664	-	-	-	-	-	-	782.120.664
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	782.120.664	782.120.664	-	-	-	-	-	-	782.120.664